TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NÔ
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST
Ngày 14-6-2025
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐẮK NÔNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Xuân Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Quang Hiển và ông Lê Khải.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt Bun, cán bộ TAND huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Thơm- Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Krông Nô tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 142/2024/TLST-HNGĐ, ngày 25/12/2024, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST-DS, ngày 12/5/2025; Quyết định hoãn phiên toà số: 29A/2025/QĐST-DS, ngày 28/5/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị H- D, sinh năm 1996 – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Phú Tr, xã Quảng Ph, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

Bị đơn: Anh Y – TH, sinh năm 1993 – Vắng mặt lần thứ hai không lý do.

Địa chỉ: Thôn Phú X, xã Quảng Ph, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

Chỗ ở hiện nay: Thôn Phú Tr, xã Quảng Ph, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/12/2024, đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án của chị H- D trình bày:

Chị H- D và anh Y – TH tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2013 đến năm 2014 thì có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Phú, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại Thôn Phú Tr, xã Quảng Ph, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông. Trong thời gian chung sống anh chị

phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, chửi nhau. Do mâu thuẫn trầm trọng nên anh Y – TH về nhà bố mẹ đẻ tại Thôn Phú X, xã Quảng Ph, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông ở và không còn chung sống với nhau từ năm 2021 đến nay.

Về yêu cầu nuôi con: Chị H- D có nguyện vọng được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung H-J, sinh ngày 03/3/2012 và H-DU, sinh ngày 19/10/2017 đến tuổi trưởng thành.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Chị H- D yêu cầu anh Y – TH cấp dưỡng nuôi con với số tiền 1.000.000 đồng/01 con chung/01 tháng.

Về yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung: Chị H- D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Toà án tiến hành triệu tập hợp lệ nhưng anh Y – TH vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; Nguyên đơn, Bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H- D ly hôn với anh Y – TH.

Về con chung: Chị H- D và anh Y – TH có 02 con chung H-J, sinh ngày 03/3/2012 và H-DU, sinh ngày 19/10/2017 đề nghị giao 02 con chung cho anh Y – TH trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Về yêu cầu cấp dưỡng: Do chị H- D không được chấp nhận nuôi con nên đề nghị không chấp nhận yêu cầu cấp dưỡn nuôi con chung của chị H- D.

Về yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Buộc chị H- D chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị H- D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, yêu cầu nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn nên quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn".

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Qua xác minh trên hệ thống dữ liệu dân cư quốc gia và thực tế tại địa phương thể hiện: Bị đơn anh Y – TH có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn Phú X, xã Quảng Ph, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông,

từ thời điểm kết hôn với chị H- D thì anh Y – TH sống cùng với chị H- D tại nhà mẹ chị H- D là bà H-BLIĂK H ĐỖK tại Thôn Phú Tr, xã Quảng Ph. Sau khi thay đổi địa giới hành chính thì nơi ở của chị H- D và anh Y – TH thành Thôn Phú Tr, xã Quảng Ph, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông. Anh Y – TH không có bố mẹ, người thân thích, họ hàng và nhà cửa gì tại Thôn Phú X, xã Quảng Ph, huyện Krông Nô. Vì vậy xác định nơi cư trú của anh Y – TH là Thôn Phú Tr, xã Quảng Ph, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyên Krông Nô theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tống đạt văn bản tố tụng cho chị H- D và anh Y – TH qua dịch vụ bưu chính, bà H-BLIĂK H ĐỖK là mẹ đẻ chị H- D nhận thay và thông báo qua điện thoại cho anh Y – TH được biết, đồng thời Toà án cũng tiến hành niêm yết công khai theo quy định cho chị H- D và anh Y – TH tuy nhiên chị H- D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt còn anh Y – TH vắng mặt không có lý do. Việc bị đơn không chấp hành pháp luật được coi tự ý từ bỏ quyền được tham gia tố tụng, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình quy định tại Điều 6, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa lần thứ 2 anh Y – TH vẫn vắng mặt không có lý do Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Y – TH theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Quá trình giải quyết vụ án Toà án nhận thấy tên của Bị đơn thể hiện trong căn cước công dân có sự sai lệch tên so với tên trong giấy chứng nhận kết hôn và giấy khai sinh của con chung nên đã tiến hành xác minh tại Công an xã Quảng Phú, huyện Krông Nô, kết quả thể hiện: Người có tên Y – TH, sinh ngày 07/5/1993 có số căn cước công dân 066093010495, cấp ngày 27/12/2021, nơi cấp Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, nơi thường trú Thôn Phú X, xã Quảng Ph, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông với người có tên Y – TH, sinh ngày 07/5/1993, số chứng minh nhân dân 241311010, nơi thường trú xã Ea BHôk, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk thể hiện tại mục họ và tên chồng trong giấy chứng nhận kết hôn bản chính số 46/2014, quyển số 01, đăng ký kết hôn ngày 28/10/2024 tại Uỷ ban nhân dân xã Quảng Phú, huyện Krông Nô; người có tên Y – TH sinh ngày 07/5/1993, thể hiện tại mục họ và tên cha, nơi thường trú xã Ea BHôk, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk trong giấy khai sinh bản sao số 158/2014, quyển số 01, đăng ký kết hôn ngày 30/10/2024 tại Uỷ ban nhân dân xã Quảng Phú, huyện Krông Nô; người có tên Y – TH, sinh ngày 07/5/1993, thể hiện tại mục họ và tên cha, nơi cư trú Thôn Phú X, xã Quảng Ph, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông trong giấy khai sinh bản sao số 189/2017, đăng ký kết hôn ngày 30/11/2017 tại Uỷ ban nhân dân xã Quảng Phú, huyện Krông Nô là cùng một người tên Y – TH và là chồng của chị H- D.

[5] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn bản chính số 46/2014, quyển số 01, đăng ký kết hôn ngày 28/10/2024 tại Uỷ ban nhân dân

xã Quảng Phú, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông thì hôn nhân giữa chị H- D và anh Y – TH là hôn nhân hợp pháp quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng:

"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Qua xác minh tình trạng hôn nhân của chị H- D và anh Y – TH do bà H-BLIĂK H ĐỖK là mẹ đẻ chị H- D cũng như cán bộ Thôn Phú Tr, xã Quảng Ph cung cấp thì chị H- D và anh Y – TH kết hôn và chung sống với nhau tại nhà của bà H-BLIĂK H ĐỖK, khoảng thời gian từ 4 năm – 05 năm trước chị H- D đi làm ở tỉnh Bình Dương, sau đó khoảng 03 tháng anh Y – TH cũng đi làm ăn xa. Theo trình bày của chị H- D thì anh chị không còn chung sống với nhau từ năm 2021 đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng chung sống để có được hạnh phúc gia đình phải dựa trên sự yêu thương, tôn trọng, phải chung sống với nhau để cùng nhau quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, phải có sự hòa hợp, chia sẻ với nhau mọi vấn đề trong cuộc sống. Quá trình giải quyết vụ án Toà án triệu tập chị H- D và anh Y – TH để hoà giải đoàn tụ nhưng chị H- D có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu ly hôn còn anh Y – TH vắng mặt không có ý kiến trình bày. Điều này cho thấy hôn nhân giữa chị H- D và anh Y – TH không thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H- D, giải quyết cho chị chị H- D ly hôn anh Y – TH.

[6]. Về con chung: Tại biên bản ghi nhận ý kiến của con chưa thành niên ngày 15/01/2025, các con chung H-J, sinh ngày 03/3/2012 và H-DU, sinh ngày 19/10/2017 đều có nguyện vọng được ở cùng với Y – TH, lý do là anh Y – TH đi làm ăn xa nhưng thường xuyên về thăm nom các con chung, đồng thời anh còn gửi tiền về cho bà H-BLIĂK H ĐỖK nuôi dưỡng các con. Bên cạnh đó bà H-BLIĂK H ĐỖK là mẹ đẻ chị H- D cũng như cán bộ Thôn Phú Tr, xã Quảng Ph cung cấp thì chị H- D từ khi đi làm không về thăm nom con, khoảng 02 năm nay chị H - D cắt đứt liên lạc với gia đình, ngược lại anh Y – TH thường xuyên về thăm nom con và có cấp dưỡng nuôi con.

Khoản 1, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật này, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan.

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con."

Hội đồng xét xử xét thấy các con chung của chị H - D và anh Y – TH chưa thành niên, cần người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Mặc dù chị H - D có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung đến tuổi trưởng thành nhưng thực tế chị không trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không thường xuyên thăm nom con, điều đó ảnh hưởng nghiêm trọng đến tâm lý của các con, không có sự gắn kết tình cảm mẹ con thiêng liêng. Ngược lại anh Y – TH lại thường xuyên thăm nom con, các con chung có nguyện vọng được ở cùng với anh Y – TH vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần giao các con chung cho anh Y – TH trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung đến tuổi trưởng thành.

[7]. Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con:

Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con hoặc sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con".

HĐXX xét thấy chị H - D yêu cầu được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung đến tuổi trưởng thành và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con với số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/01 tháng/ 01 con. Tuy nhiên yêu cầu nuôi con của chị H - D không được chấp nhận nên không chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị H - D.

Sau khi ly hôn chị H - D và anh Y – TH có các quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con cụ thể:

- Quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định tại khoản 1 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 116; Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình.

[8]. Về tài sản chung và nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[9]. Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô là phù hợp nên chấp nhận.

[10] Về án phí: Chị H - D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con không được chấp nhận theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 235, Điều 227, Điều 266, Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị H - D.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H - D ly hôn với anh Y – TH.

- Về con chung: Giao con chung H-J, sinh ngày 03/3/2012 và H-DU, sinh ngày 19/10/2017 cho anh Y – TH trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

- Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Không chấp nhận yêu cầu của chị H - D về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn Chị H - D và anh Y – TH có các quyền, nghĩa vụ theo các Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116; Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình như sau:

+ Quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định tại khoản 1 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

+ Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

+ Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

+ Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

+ Quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 116; Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung: Các bên đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về án phí: Chị H - D phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ số tiền 600.000 đồng *(Sáu trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí mà chị H - D đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông theo biên lai số 0008235, ngày 25/12/2024.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô (02 bản);
- Chi cục THADS H. Krông Nô;
- UBND xã Quảng Phú;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Xuân Hoàng